



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG MẦM NON XÃ HUA THANH



## **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**



HUYỆN ĐIỆN BIÊN – NĂM 2023



**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG MẦM NON XÃ HUA THANH**

## BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

### DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

| TT | Họ và tên           | Chức danh, chức vụ                  | Nhiệm vụ              | Chữ ký  |
|----|---------------------|-------------------------------------|-----------------------|---|
| 1  | Phạm Thanh Huệ      | Hiệu trưởng                         | Chủ tịch hội đồng     |  |
| 2  | Nguyễn Thị Dung     | Phó hiệu trưởng                     | Phó Chủ tịch hội đồng |    |
| 3  | Lương Thị Liên      | Phó Hiệu trưởng                     | Phó Chủ tịch hội đồng |    |
| 4  | Lò Thị Hà           | Thư ký hội đồng                     | Trưởng ban thư kí     |    |
| 5  | Lò Thị Kim Oanh     | Tổ trưởng tổ Mẫu giáo ghép          | Thư kí nhóm 1         |   |
| 6  | Nguyễn Thị Kim Dung | Tổ Phó tổ Nhà trẻ + Mẫu giáo đơn    | Thư kí nhóm 2         |  |
| 7  | Quàng Thị Cương     | Tổ trưởng tổ Nhà trẻ + Mẫu giáo đơn | Thư kí nhóm 3         |  |
| 8  | Mùa Thị Dương       | Dạy lớp MG ghép 3,4,5 tuổi Xá Nhù   | Ủy viên hội đồng      |  |
| 9  | Lường Văn Tiệp      | Tổ trưởng tổ văn phòng              | Ủy viên hội đồng      |  |

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG  | Trang |
|---|-------|
| Mục lục   | 3     |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá   | 5     |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>  | 7     |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>   | 11    |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>  | 11    |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>   | 14    |
| <b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3</b>  | 14    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>  | 14    |
| <b>Mở đầu</b>   | 14    |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường                     | 14    |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác  | 17    |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 18    |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng                   | 20    |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo  | 23    |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản                                      | 24    |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên  | 26    |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục  | 28    |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở   | 29    |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học                                   | 31    |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i></b>  | 33    |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>                                   | 34    |
| <b>Mở đầu</b>   | 34    |
| Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng  | 34    |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên   | 36    |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên   | 38    |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i></b>  | 40    |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                     | 41    |

|   |    |
|---|----|
| <b>Mở đầu</b>   | 41 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn   | 41 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập                          | 44 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị  | 46 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn   | 48 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi  | 50 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước  | 52 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i></b>  | 54 |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội</b>   | 54 |
| <b>Mở đầu</b>   | 54 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ   | 55 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức cá nhân của nhà trường | 57 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i></b>  | 60 |
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>                            | 60 |
| <b>Mở đầu</b>   | 60 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non   | 61 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ                                    | 64 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe   | 66 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục  | 69 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i></b>  | 72 |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>   | 72 |

## 1. Kết quả tự đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng đạt hoặc không đạt)

### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, và 3

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|----------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                      | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                      |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.2         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.3         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.4         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.5         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.6         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.7         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.8         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.9         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 1.10        |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 2.2         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 2.3         |           | x     | x     | x     |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 3.2         |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 3.3         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 3.4         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 3.5         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 3.6         |           | x     | x     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 4.1         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 4.2         |           | x     | x     | x     |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>  |           |       |       |       |
| Tiêu chí 5.1         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 5.2         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 5.3         |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 5.4         |           | x     | x     | x     |

**Kết quả: Mức 1 đạt (5 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí)**

**Mức 2 đạt (5 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí)**

**Mức 3 đạt (5 tiêu chuẩn và 18/19 tiêu chí)**

**Kết luận: Trường đạt cấp độ 2**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non xã Hua Thanh

Tên trước đây: Trường Mầm non xã Hua Thanh

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên

|  |  |                              |   |
|--|--|------------------------------|---|
| Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương             | Điện Biên  | Họ và tên hiệu trưởng        | Phạm Thanh Huệ  |
| Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố                      | Điện Biên  | Điện thoại                   | 0913981585  |
| Xã/Phường/Thị trấn                               | Hua Thanh  | Fax                          |   |
| Đạt CQG  | Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 | Website                      | <a href="https://mnhuathanh.huynhdiendienbien.edu.vn">https://mnhuathanh.huynhdiendienbien.edu.vn</a> |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009  | Số điểm trường               | 5   |
| Công lập   | x  | Loại hình khác               |   |
| Tư thục  |  | Thuộc vùng khó khăn          |   |
| Dân lập  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | x   |
| Trường liên kết với nước ngoài                   | 0  |                              |   |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

| Số nhóm, lớp                 | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Nhóm trẻ từ 13-24 tháng tuổi | 0                 | 1                 | 1                 | 1                 | 0                 |
| Nhóm trẻ từ 25-36 tháng tuổi | 6                 | 5                 | 5                 | 4                 | 5                 |
| Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi        | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 |

|                              |           |           |           |           |           |
|------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi        | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         |
| Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi        | 1         | 1         | 1         | 1         | 2         |
| Lớp Mẫu giáo ghép 3,4,5 tuổi | 4         | 4         | 4         | 4         | 4         |
| Lớp Mẫu giáo ghép 3,4 tuổi   | 1         | 1         | 1         | 1         | 1         |
| Lớp Mẫu giáo ghép 4,5 tuổi   | 1         | 1         | 1         | 1         | 0         |
| <b>Cộng</b>                  | <b>15</b> | <b>15</b> | <b>15</b> | <b>14</b> | <b>14</b> |

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT         | Số liệu                                  | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|------------|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo</b> | 15                | 15                | 15                | 14                | 14                |         |
| 1          | Phòng kiên cố                            | 9                 | 9                 | 9                 | 9                 | 9                 |         |
| 2          | Phòng bán kiên cố                        | 6                 | 6                 | 6                 | 5                 | 5                 |         |
| 3          | Phòng tạm                                | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 |         |
| <b>II</b>  | <b>Khối phòng phục vụ học tập</b>        | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 |         |
| 1          | Phòng kiên cố                            | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 |         |
| 2          | Phòng bán kiên cố                        | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 | 1                 |         |
| 3          | Phòng tạm                                | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 |         |
| <b>III</b> | <b>Khối phòng hành chính quản trị</b>    | 8                 | 8                 | 8                 | 8                 | 8                 |         |
| 1          | Phòng kiên cố                            | 3                 | 3                 | 3                 | 3                 | 3                 |         |
| 2          | Phòng bán kiên cố                        | 5                 | 5                 | 5                 | 5                 | 5                 |         |



|           |   |    |    |    |    |    |  |
|-----------|---|----|----|----|----|----|--|
| 3         | Phòng tạm   | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  |  |
| <b>IV</b> | <b>Khối phòng tổ chức ăn</b>                        | 3  | 3  | 3  | 3  | 3  |  |
| <b>V</b>  | <b>Các công trình khối các phòng chức năng khác</b> | 1  | 1  | 1  | 1  | 2  |  |
|           | <b>Cộng</b>   | 29 | 29 | 29 | 28 | 29 |  |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

#### a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

|                 | Tổng số   | Nữ        | Dân tộc   | Trình độ đào tạo |           |            |         |
|-----------------|-----------|-----------|-----------|------------------|-----------|------------|---------|
|                 |           |           |           | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | Ghi chú |
| Hiệu trưởng     | 1         | 1         |           |                  |           | 1          |         |
| Phó hiệu trưởng | 2         | 2         |           |                  |           | 2          |         |
| Giáo viên       | 23        | 23        | 18        |                  |           | 23         |         |
| Nhân viên       | 3         | 1         | 3         | 1                | 1         | 1          |         |
| <b>Cộng</b>     | <b>29</b> | <b>27</b> | <b>21</b> | <b>1</b>         | <b>1</b>  | <b>27</b>  |         |

#### b) Số liệu của 5 năm gần đây

| TT | Số liệu  | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|----|--|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1  | Tổng số giáo viên  | 24                | 22                | 21                | 21                | 23                |
| 2  | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)                          | 13,4              | 15                | 16,4              | 17,5              | 12,5              |
| 3  | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 | 0                 |
| 4  | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)       | 32,5              | 34,1              | 35,1              | 24,1              | 29,1              |
| 5  | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên      | 5                 | 6                 | 6                 | 6                 | 6                 |

|   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 |
|   | Các số liệu khác                            |   |   |   |   |   |

**4. Trẻ em**

| TT | Số liệu                    | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-<br>2022 | Năm học<br>2022-<br>2023 | Năm học<br>2023-<br>2024 | Ghi chú |
|----|----------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
| 1  | Tổng số trẻ em             | 367                      | 378                      | 361                      | 322                      | 304                      |         |
|    | -Nữ                        | 180                      | 174                      | 165                      | 142                      | 145                      |         |
|    | -Dân tộc thiểu số          | 363                      | 374                      | 357                      | 316                      | 296                      |         |
| 2  | Đối tượng chính sách       | 141                      | 131                      | 245                      | 218                      | 196                      |         |
| 3  | Khuyết tật                 | 0                        | 0                        | 1                        | 1                        | 0                        |         |
| 4  | Tuyển mới                  | 104                      | 81                       | 85                       | 54                       | 59                       |         |
| 5  | Học 2 buổi/ngày            | 367                      | 378                      | 361                      | 322                      | 304                      |         |
| 6  | Bán trú                    | 367                      | 378                      | 361                      | 322                      | 304                      |         |
| 7  | Tỉ lệ trẻ em/lớp           | 28,9                     | 30,3                     | 27,7                     | 24,1                     | 22,6                     |         |
| 8  | Tỉ lệ trẻ em/nhóm          | 17,8                     | 17,5                     | 19,1                     | 21                       | 20                       |         |
|    | Trẻ em từ 13-24 tháng tuổi | 21                       | 39                       | 56                       | 42                       | 34                       |         |
|    | Trẻ em từ 24-36 tháng tuổi | 86                       | 66                       | 59                       | 63                       | 66                       |         |
|    | Trẻ em từ 3-4 tuổi         | 91                       | 87                       | 72                       | 59                       | 68                       |         |
|    | Trẻ em từ 4-5 tuổi         | 97                       | 89                       | 87                       | 73                       | 60                       |         |
|    | Trẻ em từ 5-6 tuổi         | 72                       | 97                       | 87                       | 85                       | 76                       |         |
|    | Các số liệu khác           |                          |                          |                          |                          |                          |         |

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường mầm non xã Hua Thanh thành lập theo Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên, trên cơ sở được tách ra từ trường Mầm non xã Thanh Nua. Trường nằm trên địa bàn Bản Tâu 3 – xã Hua Thanh – Huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên. Trường có tổng diện tích xây dựng là 3451m<sup>2</sup>, diện tích sân chơi là 970m<sup>2</sup>. Trường gồm 1 điểm trường trung tâm và 5 điểm trường Co Pục, Pá Sáng, Xá Nhù, Nậm Ty 1, Nậm Ty 2. Quy mô trường được xây dựng gồm 14 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu, cơ sở vật chất khang trang, môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp có đầy đủ các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo diện tích, có đủ các phòng chức năng theo quy định như khu giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng thư viện, phòng họp của giáo viên với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động;

Trong 14 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm 2009-2023 trường liên tục đạt trường tiên tiến cấp huyện và đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên tặng giấy khen, Ủy ban nhân dân Tỉnh tặng Bằng khen, Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cờ thi đua, Tổ chức Công đoàn nhiều năm liền đạt công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chi bộ Đảng trong nhà trường nhiều năm liên tục đạt chi bộ trong sạch vững mạnh được các cấp công nhận và tặng giấy khen. Năm 2015 trường được công nhận trường Mầm non đạt Tiêu chuẩn giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 2327/QĐ-SGDĐT ngày 25/5/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên; năm 2018 trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1269/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân tỉnh Điện Biên.

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ theo Điều lệ trường mầm non. Có đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. 100% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp 20/23 đạt 87%. Qua các đợt thanh

tra, kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ đạt khá trở lên. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục không ngừng được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia Mức độ I. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực tôn tạo cảnh quan môi trường. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường;

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nền nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động.

## **2. Mục đích tự đánh giá**

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

## **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Nhà trường xây dựng và triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường. Thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm: Ban giám hiệu, đại diện các

đoàn thể, giáo viên, thư ký hội đồng là những giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 1 đến 2 tiêu chuẩn đã được phân công.

Nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá theo quá trình liên tục thực hiện đúng kế hoạch, dành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Đảm bảo công tác tự đánh giá khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như: Máy vi tính, máy in, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo

dục theo Thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Kết quả tự đánh giá trường mầm non xã Hua Thanh đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

#### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

##### **Mở đầu**

Trường Mầm non xã Hua Thanh có cơ cấu, tổ chức bộ máy đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và hoạt động có hiệu quả; có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Hằng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đề ra chiến lược xây dựng và phát triển về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và các nguồn lực của nhà trường, định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện cho phù hợp. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục. Giáo viên đã căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Nhà trường phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo đúng năng lực, sở trường và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, đảm bảo các quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng quy định. Nhà trường luôn đảm bảo tốt an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống tai nạn thương tích; phòng, chống cháy, nổ; không có hiện tượng, kỳ thị, hành vi bạo lực hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, phòng, chống dịch bệnh trong nhà trường.

#### **Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

##### *Mức 1:*

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

*Mức 2:*

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

*Mức 3:*

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Nhà trường có phương hướng, chiến lược, kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/9/2019, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và kế hoạch theo từng năm học; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

**Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường từng năm học được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện hiệu quả [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].**

Hằng năm, Nhà trường làm tốt công tác công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức niêm yết tại bảng tin, website để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết và tham gia góp ý [1.1-03].

### **Mức 2**

Hằng năm, nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, phối hợp với Ban thanh tra nhân dân kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường; huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường; thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; kiểm tra nội bộ đánh giá chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, chất lượng các hội thi; giám sát công tác xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

### **Mức 3**

Nhà trường định kỳ 01 năm/lần rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua Hội nghị viên chức và người lao động, cha mẹ trẻ thông qua họp Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có phương hướng, chiến lược, kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường được phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và niêm yết trên bảng tin, trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Kế hoạch phát triển nhà trường đã đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn rất hiệu quả; hằng năm thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu, phương hướng phát triển của nhà trường để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương, đảm bảo tính khả thi.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>  | <b>Nhân lực thực hiện</b>             | <b>Điều kiện để thực hiện</b>  | <b>Thời gian thực hiện</b>                  | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|---|---------------------------------------|--|---|-------------------------|
| Định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.  | Cán bộ quản lý                        | Xây dựng các giải pháp chiến lược phát triển của nhà trường cho những giai đoạn tiếp theo. | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không                   |
| Tiếp tục công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bằng hình thức niêm yết tại bảng tin, đăng tải trên Website của nhà trường để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, các bậc phụ huynh, nhân dân được biết và tham gia góp ý. | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. | Trang thông tin điện tử, bảng tin của trường.  | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không                   |

## 5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3



**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

*Mức 1:*

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

*Mức 2:*

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Hội đồng trường được thành lập theo điểm b Khoản 1 Điều 9 thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non gồm 9 thành viên được thành lập theo QĐ số 1147/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên của UBND huyện, các hội đồng khác được thành lập theo quy định như: Hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng chăm sóc kiến; hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường; Hội đồng thẩm định chương trình giáo dục Nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; ]; [H1-1.2-04].

Các hội đồng được thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn và hoạt động hiệu quả theo đúng quy định theo điều 9, khoản 1- thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; Hội đồng thi đua, khen thưởng tổ chức họp xét đề nghị các cấp khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Hội đồng chăm sóc kiến đánh giá, nhận xét phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng đối với sáng kiến. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi công nhận, tôn vinh giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi. Hội đồng thẩm định Chương trình giáo dục Nhà trường đã tiến thành thẩm định đánh giá và Ban hành Chương trình giáo dục Nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; ]; [H1-1.2-04].

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; ]; [H1-1.2-04].

**Mức 2**

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.2-05].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hội đồng trường và các hội đồng khác và thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hằng năm hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì tổ chức các hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Trường mầm non, các hội đồng được định kỳ rà soát, đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường đáp ứng nhu cầu của việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện  | Nhân lực thực hiện                                       | Điều kiện để thực hiện                       | Thời gian thực hiện                         | Dự kiến kinh phí |
|--|--|--|---|------------------|
| Hằng năm kiện toàn các hội đồng trong nhà trường.  | Cán bộ quản lý   | Tờ trình, các quyết định thành lập           | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không            |
| Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học. | Các thành viên của hội đồng trường và các hội đồng khác. | Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo  | Không            |

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

*Mức 1:*

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

*Mức 2:*

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

*Mức 3:*

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 29 công đoàn viên, có Ban chấp hành Công đoàn (Chủ tịch công đoàn và 02 ủy viên). Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm có Bí thư; Phó bí thư và các thành viên hoạt động theo quy định [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Hàng năm, các tổ chức, đoàn thể trong trường xây dựng kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với Nhà trường để hoạt động theo Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non. Công đoàn trường chăm lo đời sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên, thực hiện tốt các hoạt động phong trào và công tác quyên góp ủng hộ từ thiện đảm bảo theo quy định của nhà trường và cấp trên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Hàng năm, các hoạt động của đoàn thể, tổ chức tự rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức và đoàn thể [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

### **Mức 2**

Nhà trường có Chi bộ độc lập gồm 15 đảng viên có Bí thư, phó bí thư theo Quyết định chuẩn y Chi uỷ Phó bí thư Chi bộ số 82-QĐ/ĐU ngày 18/8/2022; Quyết định chỉ định cán bộ tham gia giữ chức vụ Bí thư số 119-QĐ/ĐU ngày 25/6/2023 của Đảng uỷ xã Hua Thanh. Chi bộ nhà trường hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng uỷ xã Hua Thanh đánh giá năm 2018 hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm từ 2019 đến 2022 được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Các tổ chức, đoàn thể thường xuyên phối hợp và có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn trường mầm non xã Hua Thanh thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện đổi mới phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm của trẻ, tổ chức các ngày hội, ngày lễ, các hội thi, các buổi giao lưu... của trường được lãnh đạo các cấp công nhận và tặng giấy khen [H1-1.3-01]; [H1-1.2-05].

### **Mức 3**

Hàng năm, Chi bộ trường Mầm non xã Hua Thanh luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật, thực hiện đúng điều lệ Đảng Cộng

sản Việt Nam. Trong 5 năm chi bộ được Đảng ủy xã Hua Thanh đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong đó 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, 04 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Các tổ chức, đoàn thể của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng như: Tham gia đóng góp đầy đủ các loại quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, quỹ ủng hộ dịch bệnh covid19, quỹ phòng chống thiên tai, mỗi năm tham gia hiến máu nhân đạo có từ 4 đến 8 đồng chí, các hoạt động đó đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-01]; [H1-1.2-05].

## 2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ độc lập, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Chi bộ và các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng Điều lệ. Chi bộ thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức đoàn thể tham gia các hoạt động góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của nhà trường. Trong 5 năm có 01 năm đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 04 năm được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện  | Nhân lực thực hiện            | Điều kiện để thực hiện                 | Thời gian thực hiện                             | Dự kiến kinh phí |
|--|-------------------------------|--|---|------------------|
| Các đoàn thể, tổ chức khác tiếp tục phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường. | Chi bộ, các tổ chức đoàn thể. | Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động. | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.     | Không            |
| Phát huy tinh thần tập trung dân chủ của các tổ chức đoàn thể, cá nhân trong nhà trường  | Các tổ chức, đoàn thể         | Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động. | Trong năm học 2023-2024, các năm học tiếp theo. | Không            |

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

*Mức 1:*

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

*Mức 2*

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

*Mức 3:*

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

Năm học 2023 - 2024 nhà trường có 02 tổ chuyên môn gồm 26 thành viên, 01 tổ văn phòng gồm 3 thành viên. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó; Tổ văn phòng có 1 tổ trưởng và các thành viên là nhân viên làm công tác y tế trường học, kế toán, bảo vệ [H1-1.4-02].

Hàng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học. Trong những năm học qua, tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em, quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tham gia đánh giá xếp loại nhân viên; tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng, tổ văn phòng họp 1 lần/tháng theo quy định [H1-1.4 -03].

### **Mức 2**

Hàng năm, các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ để đề xuất về phương pháp, hình thức tổ chức lớp học và các chuyên đề như: Chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép giáo dục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số, chuyên đề “Tôi yêu

Việt Nam”. Các chuyên đề được tổ chức có tác dụng thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-03].

Hàng năm, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tổ và nhà trường [H1-1.4-03].

### Mức 3

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.2-05].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề, chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-03].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy định. 100% cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường. Có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường Mầm non. Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện tốt việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>  | <b>Nhân lực thực hiện</b>            | <b>Điều kiện để thực hiện</b>               | <b>Thời gian thực hiện</b>              | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|---|--------------------------------------|---|---|-------------------------|
| Nhà trường tiếp tục duy trì và kiện toàn cấu tổ chức và hoạt động có hiệu quả phù hợp với thực tế của Nhà trường. | Cán bộ quản lý                       | Các quyết định thành lập                    | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo. | Không                   |
| Các tổ chuyên môn tiếp tục chủ động, tích cực đề xuất nội dung chuyên đề chuyên sâu nhằm tháo gỡ những            | Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên | Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch bồi | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo  | Không                   |

|   |           |                    |  |  |
|---|-----------|--------------------|--|--|
| khó khăn vướng mắc cho các thành viên trong tổ. | nhân viên | dưỡng thường xuyên |  |  |
|---|-----------|--------------------|--|--|

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

### **Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

#### *Mức 1:*

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

#### *Mức 2:*

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

#### *Mức 3:*

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

## 1. Mô tả hiện trạng

### **Mức 1**

Trong các năm học qua nhà trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2019 - 2020 có 06 nhóm trẻ, 09 lớp mẫu giáo; năm học 2020- 2021 có 06 nhóm trẻ, 09 lớp mẫu giáo; năm học 2021 - 2022 có 06 nhóm trẻ, 09 lớp mẫu giáo; năm học 2022 - 2023 có 05 nhóm trẻ, 09 lớp mẫu giáo; năm học 2023 – 2024 có 05 nhóm trẻ, 09 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.2-05].

Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá có 2 năm nhà trường có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập (năm học 2021-2022 và 2022-2023), các năm học khác nhà trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

### **Mức 2**

Hàng năm, số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều không vượt quá số lượng trẻ theo quy định, được phân chia theo độ tuổi. Năm học 2023 - 2024 nhà trường có 14 nhóm lớp với 304 trẻ trong đó có 05 nhóm trẻ với 100 trẻ, 09 lớp mẫu giáo với 204 trẻ (01 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 21 trẻ, 01 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 25 trẻ, 02 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 45 trẻ; 04 lớp mẫu giáo ghép 3,4,5 tuổi: 88 trẻ; 01 lớp mẫu giáo ghép 3,4 tuổi: 25 trẻ) [H1-1.5-01].

### **Mức 3**

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có năm nào vượt quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Năm học 2023 - 2024, Nhà trường có 14 nhóm lớp trong đó có 05 nhóm trẻ 09 lớp mẫu giáo với 204 trẻ [H1-1.5-01].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định. 100% các nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi và không năm nào vượt quá số lượng quy định tại Điều lệ trường mầm non. 100% các nhóm, lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>   | <b>Nhân lực thực hiện</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b>                      | <b>Thời gian thực hiện</b>                       | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--|---------------------------|--|--|-------------------------|
| Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 3-36 tháng tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp theo quy định. | Cán bộ quản lý, giáo viên | Kế hoạch giao tuyển sinh, kế hoạch giáo dục trẻ em | Năm học 2023-2024<br>Trong các năm học tiếp theo | Không                   |

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

### Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

#### Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

#### Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

#### Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định theo Điều lệ Trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của luật lưu trữ bao gồm các hồ sơ: Hồ sơ quản



lý trẻ em; hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học; hồ sơ phổ cập giáo dục; hồ sơ quản lý tài sản, tài chính; hồ sơ quản lý văn bản [H1-1.5-01]; [H1-1.6-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [1.6-04]; [H1-1.6-05].

Hàng năm, nhà trường đều lập dự toán, thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành, có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [1.6-04].

### **Mức 2**

Trong các năm học nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường như: phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia; phần mềm phổ cập; sử dụng phần mềm Misa [1.6-06]; [1.6-07]; [1.6-08];

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra [1.6-04].

### **Mức 3**

Trong 05 năm qua nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách, được lưu trữ đầy đủ theo quy định của luật lưu trữ. Hàng năm đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục. Trong những năm vừa qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục; Hàng năm, nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp.

### **3. Điểm yếu: Không**

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>                             | <b>Nhân lực thực hiện</b>  | <b>Điều kiện để thực hiện</b>             | <b>Thời gian thực hiện</b>   | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--|----------------------------|---|------------------------------|-------------------------|
| Nhà trường tiếp tục chỉ đạo làm tốt nhiệm vụ quản lý hành chính, tài | Cán bộ quản lý, giáo viên, | Kế hoạch thực hiện năm học, kế hoạch phát | Năm học 2023-2024 và các năm | Không                   |

|   |                                       |   |   |       |
|---|---------------------------------------|---|---|-------|
| chính và tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục.   | nhân viên.                            | triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học.   | học tiếp theo.                              |       |
| Bồi dưỡng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính tài chính và tài sản của nhà trường.  | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. | Kế hoạch thực hiện năm học, kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học. | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không |
| Hàng năm xây dựng kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng CSGD trẻ. | Cán bộ quản lý, nhân viên kế toán.    | Kế hoạch vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân.  | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không |

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

#### ***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

##### *Mức 1:*

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

##### *Mức 2:*

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn; kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đưa ra các nội dung, nhiệm vụ cụ thể

cho việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01];

Hằng năm, nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo rõ ràng hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-02];

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 10 và Điều 29 tại Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền: Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường, được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương, các phụ cấp ưu đãi và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập bồi dưỡng; được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác, các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.2-05]; [H1-1.3-01].

## Mức 2

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ... Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.2-05].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch theo quy định, có các nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực, điều kiện hoàn cảnh của từng người, có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. Đồng thời đảm bảo cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được hưởng các quyền theo quy định.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|-----------------------------------|--------------------|------------------------|---------------------|------------------|
|-----------------------------------|--------------------|------------------------|---------------------|------------------|

|  |                                       |                                      |   |       |
|--|---------------------------------------|--------------------------------------|---|-------|
| Tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt hiệu quả cao. | Cán bộ quản lý, tổ trưởng.            | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.       | Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo. | Không |
| Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, duy trì đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.                                     | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. | Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo. | Không |

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

#### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

##### *Mức 1:*

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

##### *Mức 2:*

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, kế hoạch chăm sóc giáo dục các lớp. Năm học 2023-2024 nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về văn bản hợp nhất ban hành Chương trình giáo dục mầm non, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.2-04]; [H1-1.6-02].

Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục nhà trường đúng kế hoạch, giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của trường của ngành và địa phương đảm bảo hiệu quả cao trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.2-04]; [H1-1.6-02].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện

thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.8-01];

## Mức 2

Hàng năm nhà trường tiến hành đánh giá chương trình giáo dục nhà trường theo định kỳ, xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ để kiểm tra đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các hội thi của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt giải cao [H1-1.8-02].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục sát với chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo phù hợp với phù hợp với khả năng, năng lực của từng trẻ, với điều kiện của lớp, của trường và địa phương, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện   | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện  | Thời gian thực hiện                          | Dự kiến kinh phí |
|---|--------------------|---|--|------------------|
| Ban giám hiệu tích cực chỉ đạo giáo viên làm tốt hơn nữa việc xây dựng kế hoạch giáo dục, triển khai phù hợp, có hiệu quả với độ tuổi và điều kiện thực tế. | Cán bộ quản lý     | Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo | Không            |
| Tiếp tục rà soát, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế.  | Cán bộ quản lý     | Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo từng năm học, kế hoạch kiểm tra nội bộ   | Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo | Không            |

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

### Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

#### Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền

*xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.*

**Mức 2:**

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Hằng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.2-05]; [H1-1.9-01].

Nhà trường luôn thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, trong 5 năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.2-05]; [H1-1.9-01].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.1-05]; [H1-1.9-01].

### **Mức 2**

Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân của nhà trường đã có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả: công khai chất lượng chăm sóc, giáo dục, chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng học sinh, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, công tác thi đua, bình xét nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết của nhà trường để mọi người cùng biết [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

## **2. Điểm mạnh**

Hằng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được trú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu: Không****4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>   | <b>Nhân lực thực hiện</b>                              | <b>Điều kiện để thực hiện</b>                                  | <b>Thời gian thực hiện</b>                    | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--|--|--|---|-------------------------|
| Nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường. | Cán bộ quản lý   | Quy chế dân chủ, bảng công khai, trang Web của trường.         | Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo. | Không                   |
| Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải quyết.   | Cán bộ quản lý.  | Quy chế dân chủ trong nhà trường, nội quy, quy chế trường học. | Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo. | Không                   |
| Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân tăng cường các giải pháp, cơ chế giám sát thực hiện quy chế dân chủ  | Các thành viên Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân | Kế hoạch Hội đồng trường, Kế hoạch Ban thanh tra nhân dân      | Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo. | Không                   |

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2*****Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học******Mức 1:***

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

***Mức 2:***

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Nhà trường có đầy đủ các loại phương như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án phòng cháy chữa cháy; phương án an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực học đường; Nhà trường tổ chức bếp ăn tập thể đã kí bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với bếp ăn tập thể. [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

Nhà trường có hòm thư góp ý được để ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, của người dân, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-09].

Trong 05 năm nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hiện tượng kỳ thị, có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.2-05].

### **Mức 2**

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án, quy chế như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phương án chữa cháy cơ sở; phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống dịch bệnh; phương án phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường [H1-1.2-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.2-05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, thực hiện có hiệu quả. Có hòm thư góp ý để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường



xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật khác trong nhà trường.

### 3. Điểm yếu: Không

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện  | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện             | Thời gian thực hiện                           | Dự kiến kinh phí |
|--|--------------------|------------------------------------|---|------------------|
| Nhà trường tiếp tục triển khai, phổ biến thực hiện hiệu quả các phương án để đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. | Cán bộ quản lý.    | Các phương án, kế hoạch thực hiện. | Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo. | Không            |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

#### Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và theo từng năm học được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh;

Hàng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học 2 buổi/ngày. Năm học 2021- 2022, năm học 2022-2023 nhà trường có 02 học sinh khuyết tật được học hoà nhập.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; hằng năm quản lý tài chính, lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà

soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng Giáo dục và Đào tạo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được nhà trường công khai, minh bạch. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo, không có hiện tượng kỳ thị bạo lực, vi phạm pháp luật trong nhà trường.

**\* Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 10/10
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 10/10
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 5/5
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 0

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu**

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, 100% đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non và yêu cầu đổi mới về giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có trình độ đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị và được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hằng năm, cán bộ quản lý được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng đạt ở mức khá trở lên. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hằng năm. Đội ngũ giáo viên, nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

*Mức 1:*

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

*Mức 2:*

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

*Mức 3:*

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 21 năm, phó hiệu trưởng thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 18 năm trở lên. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, bằng trung cấp lý luận chính trị, hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; điều hành các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-01]; [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Hàng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt từ khá trở lên [H2-2.1-03].

Hàng năm cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp [H2-2.1-04].

### **Mức 2**

Từ năm học 2019-2020 đến thời điểm được đánh giá hiệu trưởng đều được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng xếp loại khá tốt; cả 2 phó hiệu trưởng cũng được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng từ khá trở lên [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị, hàng năm được bồi dưỡng, tập huấn các lớp chính trị theo quy định. Trong quá trình công tác cán bộ quản lý luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-02]; [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

### **Mức 3**

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm được đánh giá hiệu trưởng đều được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng xếp loại tốt; phó hiệu trưởng Lương Thị Liên được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá 3 năm xếp loại tốt, 2 năm xếp loại khá; phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Dung được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá có 01 năm xếp loại tốt, 4 năm xếp loại khá. [H2-2.1-03].

## 2. Điểm mạnh

100% cán bộ quản lý trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá chuẩn hiệu trưởng xếp loại tốt; các phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá xếp loại khá trở lên. Trong quá trình công tác cán bộ quản lý luôn được tập thể giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-03].

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện   | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện   | Thời gian hoàn thành                              | Dự kiến kinh phí |
|---|--------------------|--|---|------------------|
| Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. | Cán bộ quản lý.    | Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục. | Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không            |

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

### Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

#### Mức 1:

- Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

#### Mức 2:

- Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**Mức 3:**

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng****Mức 1**

Năm học 2023 - 2024 nhà trường có tổng số 23 giáo viên/14 nhóm lớp, tỷ lệ 1,64 giáo viên/lớp đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-01]; [H1-1.7-02].

Nhà trường có 100% giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo [H2-2.2-01].

Hàng năm nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên.

**Mức 2**

Nhà trường có 100% giáo viên trên chuẩn về trình độ đào tạo. Từ năm học 2019-2020 đến thời điểm đánh giá tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có 86,4% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-05].

**Mức 3**

Nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo [H1-1.6-01]; [H2-2.2-01].

Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 86,4% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên, cụ thể: Năm học 2018-2019 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 36,4%, ở mức khá là 54,5%, ở mức đạt chiếm 9,1%; Năm học 2019 - 2020 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 29,1%, ở mức khá là đạt 54,1%, ở mức đạt chiếm 17%; Năm học 2020 - 2021 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 41%, ở mức khá là 45,4%, ở mức đạt 13,6 %; Năm học 2021 - 2022 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 47,6%, ở mức khá 47,6%, ở mức đạt chiếm 4,8%; Năm học 2022- 2023 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt là 57,1%, ở mức khá 42,9% [H2-2.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn ở mức cao 100%. Hằng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. 80% đến 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên về chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

### 3. Điểm yếu: Không

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện   | Nhân lực thực hiện           | Điều kiện để thực hiện                          | Thời gian thực hiện                               | Dự kiến kinh phí |
|---|------------------------------|---|---|------------------|
| Tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.   | Cán bộ quản lý,<br>Giáo viên | Thông tư 26 chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non | Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không            |
| Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên qua các hoạt động tập huấn chuyên môn, trao đổi về phương pháp và hình thức tổ chức nhóm lớp, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. | Cán bộ quản lý,<br>Giáo viên | Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn                   | Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không            |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

#### **Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

##### Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

##### Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

##### Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên

*môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Nhà trường có 03 nhân viên biên chế và hợp đồng theo nghị định 111, trong đó: 01 nhân viên bảo vệ; 01 nhân viên y tế học đường, 01 nhân viên kế toán; có 3 nhân viên nấu ăn hợp đồng lao động ngắn hạn. Số lượng nhân viên đủ theo quy định, đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.6-01]; [H1-1.6-04].

Các đồng chí nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế của từng đồng chí [H1-1.7-02].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường và hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-01].

### **Mức 2**

Nhà trường có 6 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP và hợp đồng ngắn hạn theo quy định tại thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, trong đó có 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên y tế học đường, 01 nhân viên kế toán, 03 nhân viên nấu ăn [H1-1.6-01]; [H1-1.7-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-01]; [H1-1.2-05].

### **Mức 3**

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng trung cấp y sĩ đa khoa, nhân viên bảo vệ có chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan, nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghề nấu ăn [H2-2.3-02]; [H2-2.3-03].

Hằng năm nhân viên y tế được bồi dưỡng về công tác y tế, nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ theo vị trí được phân công [H2-2.3-04]; [H2-2.3-05]; [H2-2.3-06].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có số lượng nhân viên đủ theo quy định, các nhân viên có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

**3. Điểm yếu:** Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>  | <b>Nhân lực thực hiện</b>              | <b>Điều kiện để thực hiện</b>   | <b>Thời gian thực hiện</b>                       | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|---|--|---|--|-------------------------|
| Nhà trường tiếp tục duy trì số lượng nhân viên hiện có. Thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc của mỗi nhân viên. | Nhân viên                              | Phân công nhiệm vụ  | Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không                   |
| Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.               | Cán bộ quản lý, Nhân viên y tế, nấu ăn | Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm | Trong năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo | Không                   |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3**Kết luận về tiêu chuẩn 2**

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định, có bằng đại học sư phạm, có thời gian công tác liên tục 20 năm trở lên. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tục hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được xếp loại chuẩn hiệu trưởng từ khá trở lên, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đạt cao 100%. Hằng năm 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức đạt trở lên.

Trường có số lượng nhân viên đủ theo quy định, các nhân viên có trình độ đào tạo theo chuyên ngành đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được đánh giá hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Việc phân công nhiệm vụ cho nhân viên, người lao động hợp lý, thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả công việc. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

**\* Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 3/3
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 3/3
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 3/3
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 0



### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

#### **Mở đầu**

Trường mầm non xã Hua Thanh được xây dựng trên địa bàn Bản Tâu 3 - xã Hua Thanh – huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên với diện tích đất 4.421m<sup>2</sup>, khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Nhà trường có cổng trường, biển tên trường, tường quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đủ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Các khu trải nghiệm cho trẻ: Khu trải nghiệm với sách, khu trải nghiệm với các vật liệu thiên nhiên; khu phát triển vận động, thư viện thân thiện, sân chơi, các khu vực cho trẻ chơi bảo đảm yêu cầu. Có đủ các khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, hiên chơi đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, các khối phòng sinh hoạt chung, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, văn phòng trường, phòng hành chính - quản trị. Nhà vệ sinh của giáo viên và học sinh đảm bảo theo thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non. Nhà trường có bếp ăn gồm: khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, có kho bếp để lương thực và thực phẩm, thiết bị bảo quản thực phẩm, đủ các thiết bị đồ dùng đảm bảo theo quy định, hằng năm được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng nhu cầu tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ. Có nguồn nước sạch đủ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

#### ***Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

##### ***Mức 1:***

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

##### ***Mức 2:***

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp: có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp: Có vườn cây giành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).*

##### ***Mức 3:***

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

### **Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

Nhà trường có tổng diện tích đất 4.421m<sup>2</sup> (trong đó trung tâm 2.034m<sup>2</sup>, điểm trường Co Pục: 450m<sup>2</sup>, điểm trường Xá Nhù: 510,5m<sup>2</sup>, điểm trường Pa Sáng: 442,1m<sup>2</sup>, điểm trường Nậm Ty 1: 537,3m<sup>2</sup>, điểm trường Nậm Ty 2: 447,7m<sup>2</sup>, bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định (14,5m<sup>2</sup>/trẻ) [H3-3.1-01].

Có cổng trường, biển tên trường theo quy định tại điều 5 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non. Trung tâm và các điểm trường có tường xây bao quanh, cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02]; [3.1-03].

Trường có 6 sân chơi ở trung tâm và các điểm trường với tổng diện tích là 970m<sup>2</sup>, được quy hoạch và thiết kế bố trí phù hợp láng xi măng bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, được sử dụng để tổ chức các hoạt động tập thể đảm bảo an toàn cho tất cả trẻ đều được sử dụng. Có hiên chơi rộng rãi thoáng mát phục vụ cho hoạt động vui chơi và học tập của trẻ; các nhóm/lớp có hành lang đảm bảo theo quy định, thuận tiện cho việc đưa, đón, sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng. Sân chơi chung được quy hoạch và thiết kế phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ, tất cả trẻ được sử dụng, có trồng cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ hoạt động vui chơi khi đến trường [3.1-02]; [3.1-03].

#### **Mức 2**

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT- BGD-ĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, trong đó diện tích xây dựng công trình là 1.105m<sup>2</sup> chiếm 40% (gồm trung tâm và 5 điểm trường); diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi) là 3.316m<sup>2</sup> chiếm 60% (gồm trung tâm và 5 điểm trường) đảm bảo theo quy định [3.1-02]; [H3-3.1-01].

Khuôn viên trường ở trung tâm và các điểm trường đều có tường bao ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường đều có sân chơi, chậu hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn rau, vườn hoa dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập như: khu phát triển vận động, khu trải nghiệm với các vật liệu thiên nhiên, thư viện thân thiện ... [3.1-02]; [3.1-03].

Tất cả khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT- BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm

non: trung tâm có 6 loại đồ chơi và các điểm trường có 5 loại đồ chơi, sân chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ [3.1-03]; [1.6-04].

### Mức 3

Trung tâm và các điểm trường có sân vườn, khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [3.1-03]; [1.6-04].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng 4.421m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu đảm bảo cho trẻ đảm bảo theo quy định. Có cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

### 3. Điểm yếu: Không

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện  | Nhân lực thực hiện                   | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện                    | Dự kiến kinh phí |
|--|--------------------------------------|------------------------|--|------------------|
| - Hằng năm nhà trường rà soát thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và có kế hoạch tu sửa khi hỏng hóc.   | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Kế hoạch               | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không có         |
| - Tiếp tục tham mưu với Phòng giáo dục huyện Điện Biên xin cấp bổ sung, đồ chơi ngoài danh mục cho trẻ sử dụng, tu sửa cơ sở vật chất. | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Tờ trình               | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | 200.000.000đ     |
| - Tích cực huy động các nguồn vận động tài trợ để bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, nâng cấp sân chơi cho trẻ.                       | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Kế hoạch xã hội hóa    | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | 187.000.000đ     |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

**Tiêu chí 3.2: Khôi phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khôi phòng phục vụ học tập**

**Mức 1:**

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

**Mức 2:**

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

**Mức 3:**

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Nhà trường có 14 phòng học/14 nhóm, lớp trong đó nhóm trẻ 25-36 tháng: 05 phòng; lớp mẫu giáo 3-4 tuổi 01 phòng; lớp mẫu giáo 4-5 tuổi 01 phòng; lớp mẫu giáo 5-6 tuổi 02 phòng; lớp mẫu giáo ghép 3,4 tuổi 01 phòng; lớp mẫu giáo 3,4,5 tuổi 04 phòng [H3-3.2-01]; [3.1-03].

Nhà trường có 14 phòng sinh hoạt chung được dùng kết hợp làm phòng ngủ đối với nhóm trẻ và mẫu giáo; Khu giáo dục thể chất tại trung tâm trường với diện tích 130m<sup>2</sup>, các điểm trường có khu thể chất cho trẻ hoạt động. Có đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ, có 01 phòng giáo dục nghệ thuật 60m<sup>2</sup> trang bị đầy đủ đồ dùng (gương, gióng múa, đàn, tăng âm, loa đài...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ; có 01 phòng thư viện diện tích 110m<sup>2</sup> được bố trí gồm 01 phòng lưu trữ tài liệu thư viện, 01 phòng đọc và khu vực cho trẻ hoạt động [1.6-04]; [3.1-03].

Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp [1.6-04]; [H3-3.2-02].

**Mức 2**

Trung tâm và các điểm trường có 14 phòng sinh hoạt chung kết hợp làm phòng ngủ diện tích trung bình 36,84 m<sup>2</sup>/phòng, trung bình 1,69m<sup>2</sup>/trẻ, bảo đảm theo quy định, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, phòng ngủ có

đủ phản, chiếu, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất 130m<sup>2</sup> đầy đủ đồ dùng phát triển vận động đảm bảo theo quy định, có 01 phòng giáo dục nghệ thuật 60m<sup>2</sup> có đàn, gương, gióng múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc, tăng âm, loa đài phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá của trẻ em; có 01 phòng thư viện diện tích đảm bảo với đồ dùng, thiết bị, tài liệu phục vụ nhu cầu tối thiểu cho cô và trẻ [H3-3.2-02]; [1.6-04].

Nhà trường có 14/14 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-02]; [1.6-04].

### Mức 3

Nhà trường chưa có phòng ngoại ngữ, tin học với thiết bị công nghệ thông tin phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với công nghệ thông tin.

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có 14 phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích bình quân/trẻ và được kết hợp làm phòng ngủ, có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 6 khu giáo dục thể chất (Trung tâm và các điểm trường), 01 phòng giáo dục nghệ thuật đầy đủ các thiết bị, đồ dùng theo quy định.

**3. Điểm yếu:** Nhà trường chưa có phòng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện   | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện   | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|---|--------------------|--|---------------------|------------------|
| Tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường. | Cán bộ quản lý     | Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch xã hội hóa giáo dục; tờ trình | Năm học 2023-2024   | 200.000.000 đồng |
| Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học.                                   | Cán bộ quản lý     | Kế hoạch phát triển nhà trường, Kế hoạch xã hội hóa giáo dục.          | Năm học 2023-2024   | Không            |

|   |                                      |           |  |       |
|---|--------------------------------------|-----------|--|-------|
| Tham mưu với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương mở rộng diện tích đất để xây dựng thêm phòng làm quen với ngoại ngữ, tin học. | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Tờ trình. | Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không |
|---|--------------------------------------|-----------|--|-------|

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

### ***Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị***

#### *Mức 1*

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

#### *Mức 2*

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

#### *Mức 3*

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

## 1. Mô tả hiện trạng

### **Mức 1**

Nhà trường có đủ các phòng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non gồm có: văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng dành cho nhân viên, phòng bảo vệ, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên, có 06 khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý đảm bảo diện tích, an toàn [3.1-03].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, các bảng biểu, trang thiết bị cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; 01 phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; 01 phòng hành chính quản trị có đầy đủ thiết bị theo quy định; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng dành cho nhân viên có đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo yêu cầu [3.1-03]; [1.6-04].

Trường có khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, có mái che được bố trí, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [3.1-03].

## Mức 2

Văn phòng trường có diện tích 30m<sup>2</sup>, phòng hiệu trưởng có diện tích 15m<sup>2</sup>, 02 phòng phó hiệu trưởng có diện tích 30m<sup>2</sup> (Mỗi phòng 15 m<sup>2</sup>) phòng hành chính quản trị có diện tích 15m<sup>2</sup>; phòng y tế 15m<sup>2</sup>, phòng bảo vệ 10m<sup>2</sup>, phòng dành cho nhân viên có diện tích 15m<sup>2</sup>, các phòng đủ diện tích đảm bảo theo quy định Điều lệ trường Mầm non [3.1-03];

Khu để xe giành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi có diện tích 42m<sup>2</sup> [3.1-03].

## Mức 3

Nhà trường có đủ các phòng đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non; có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho các hoạt động theo chức năng của từng phòng [3.1-03].

## 2. Điểm mạnh

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo đủ theo Thông tư số 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non; văn phòng đủ đồ dùng và thiết bị phục vụ cho các hoạt động; phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu; phòng dành cho nhân viên có diện tích và đồ dùng đảm bảo, khu vệ sinh giành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện; phòng hành chính - quản trị có bàn ghế, máy tính, tủ; có phòng họp được bố trí vị trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường. Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại trung tâm và điểm trường được bố trí hợp lý, có mái che đảm bảo an toàn.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện   | Nhân lực thực hiện                    | Điều kiện để thực hiện   | Thời gian thực hiện                               | Dự kiến kinh phí |
|---|---------------------------------------|--|---|------------------|
| Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch, đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. | Kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, văn bản tham mưu bổ sung kinh phí. | Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo. | Không            |

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

### ***Tiêu chí 3.4: Khôi phòng tổ chức ăn***

#### *Mức 1:*

- a, Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

#### *Mức 2:*

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.*

#### *Mức 3:*

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Nhà trường có 03 bếp ăn được xây dựng bán kiên cố gồm có: Khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình một chiều [3.1-03].

Nhà trường có 03 kho bếp tại điểm trường trung tâm và điểm trường Nậm Ty 1, Nậm Ty 2 có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [1.6-04]; [3.1-03].

Điểm trường trung tâm có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên; điểm trường Nậm Ty 1, Nậm Ty 2 không có tủ để lưu mẫu thực phẩm do không có nguồn điện lưới Quốc gia [3.1-03]; [H3-3.4-01].

### **Mức 2**

Nhà trường có 03 bếp ăn đảm bảo quy định theo Thông tư số 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non với tổng diện tích 105m<sup>2</sup>, bình quân trên trẻ là 0,35m<sup>2</sup>/trẻ. Có khu sơ chế, khu chế biến thực phẩm, khu nấu ăn, khu chia ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Bếp củi, tủ nấu cơm điện, nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định. Nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh [3.1-03]; [1.6-04]; [H3-3.4-02].

### **Mức 3**

Bếp ăn được xây dựng đảm bảo theo tiêu chuẩn Quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, độc lập với khối phòng, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân



chơi. Dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh với tổng diện tích 105m<sup>2</sup>, bình quân trên trẻ là 0,35m<sup>2</sup>/trẻ. thông thoáng, đủ ánh sáng; tường trần nhà và sàn nhà bằng phẳng, không có khe rãnh, thuận tiện cho việc vệ sinh, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn, uống được làm bằng nhôm, inox dễ làm vệ sinh, không ô nhiễm, không có yếu tố độc hại. Có phương tiện bảo quản thực phẩm, hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay sát khuẩn. Phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác được làm bằng vật liệu chắc chắn có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh [3.1-03].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có 03 bếp ăn được xây dựng bán kiên cố và hoạt động theo quy trình một chiều. Bếp ăn có đủ diện tích theo quy định, thông thoáng, đủ ánh sáng, 01 bếp ăn khu trung tâm có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, 03 bếp ăn có đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường. Khu sơ chế và chế biến thực phẩm thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn. Kho bếp có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, có thiết bị bảo quản thực phẩm, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; Có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh.

**3. Điểm yếu:** Điểm trường Nậm Ty 1, điểm trường Nậm Ty 2 không có tủ để lưu mẫu thực phẩm do không có nguồn điện lưới Quốc gia.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện   | Nhân lực thực hiện  | Điều kiện để thực hiện              | Thời gian thực hiện                        | Dự kiến kinh phí |
|---|---|-------------------------------------|--|------------------|
| Tiếp tục tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường Mầm non đạt hiệu quả cao. | Cán bộ quản lý  | Kế hoạch vận động tài trợ, tờ trình | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | 187.000.000      |
| Tiếp tục phân công giáo viên 02 điểm trường Nậm Ty 1, Nậm Ty 2 hàng ngày về lấy thực phẩm lên chế biến cho học sinh trong ngày.                                   | Cán bộ quản lý, giáo viên 02 điểm trường Nậm Ty 1; Nậm Ty 2 | Kế hoạch phát triển giáo dục        | Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo |                  |
| Tham mưu với các cấp lãnh đạo lắp đường điện lưới   | Cán bộ quản lý,   | Tờ trình                            | Năm học 2023-2024                          |                  |

|          |                         |  |                            |  |
|----------|-------------------------|--|----------------------------|--|
| Quốc gia | giáo viên,<br>nhân viên |  | và các<br>năm tiếp<br>theo |  |
|----------|-------------------------|--|----------------------------|--|

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

#### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi***

##### ***Mức 1***

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

##### ***Mức 2:***

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

##### ***Mức 3:***

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [1.6-04]; [H3-3.2-02].

Nhà trường chỉ đạo các nhóm, lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định phải bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [H3-3.2-02]; [3.1-02].

Hằng năm các thiết bị của nhà trường được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ có hiệu quả tại các nhóm, lớp [1.6-04]; [H3-3.5-01].

#### **Mức 2**

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet, Wifi phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non 14/14 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học. Tính đến thời điểm đánh giá, số bộ thiết bị là 14 bộ/14 nhóm, lớp. Trong đó, mẫu giáo 3-4 tuổi: 2

bộ, mẫu giáo 4-5 tuổi: 1 bộ, mẫu giáo 5-6 tuổi: 6 bộ, nhóm trẻ: 5 bộ [1.6-04]; [H3-3.2-02].

Hàng năm, Nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Chỉ đạo các nhóm, lớp làm đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phục vụ cho các hoạt động giáo dục [1.6-04]; [H3-3.2-02]; [3.1-02].

### Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tại các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục, được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.2-05].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các nhóm, lớp theo quy định. Hàng năm, nhà trường phát động đội ngũ giáo viên tham gia phong trào làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi tự tạo để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ được giáo viên bảo quản tốt và khai thác sử dụng có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hàng năm nhà trường có tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, cơ sở vật chất và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học.

### 3. Điểm yếu: Không

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện  | Nhân lực thực hiện                   | Điều kiện để thực hiện                          | Thời gian thực hiện            | Dự kiến kinh phí |
|--|--------------------------------------|---|--------------------------------|------------------|
| Thường xuyên kiểm tra tài sản, đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp. | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | Biên bản kiểm kê, bàn giao.                     | Đầu năm, cuối năm học các năm. | Không            |
| Tham mưu với phòng Giáo dục và Đào tạo bổ sung thêm đồ dùng, đồ chơi ngoài trời cho các khu.               | Cán bộ quản lý                       | Báo cáo GDMN, báo cáo tổng kết năm học Tờ trình | Năm 2023-2024                  | Không            |

|   |                            |                                      |  |       |
|---|----------------------------|--------------------------------------|--|-------|
| Huy động phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm nhiều đồ dùng đồ chơi sáng tạo đưa vào hoạt động phong phú. | Giáo viên, cha mẹ học sinh | Nguyên vật liệu làm đồ dùng, đồ chơi | Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo | Không |
|---|----------------------------|--------------------------------------|--|-------|

### **5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

#### ***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

##### ***Mức 1:***

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

##### ***Mức 2:***

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

Trung tâm và các điểm trường có 9 phòng vệ sinh của trẻ, 01 nhà vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên được phân thành khu nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm, môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng [3.1-03].

Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước, có hệ thống thoát nước kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; có máy lọc nước, nước máy sạch sẽ đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [3.1-03]; [H3-3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng. Rác thải được thu gom hàng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng, bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường [3.1-03].

#### **Mức 2**

Các phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được xây dựng đúng quy định. Có 9 phòng vệ sinh của trẻ diện tích 145,2m<sup>2</sup> (0,48m<sup>2</sup>/trẻ) đảm bảo theo quy định, có vách ngăn giữa khu vệ sinh cho nam và nữ, có tiểu treo dùng cho trẻ em trai và xí bệt dùng cho trẻ em gái. Khu vực rửa tay của trẻ được bố trí riêng, đảm bảo 08 trẻ/chậu rửa, các thiết bị được lắp đặt phù hợp với độ tuổi, thuận tiện cho việc sử dụng, dễ quan sát trẻ và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng. Các thiết bị được lắp đặt phù hợp với độ tuổi, thuận tiện cho việc sử dụng, dễ quan sát trẻ [3.1-03]; [3.1-02].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ giếng khoan, nước tự chảy, nước lọc, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT-BGDĐT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế như: có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung [H3-3.6-01]; [3.1-03].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phòng vệ sinh của trẻ khép kín, phòng vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên được xây dựng đảm bảo diện tích theo quy định, được phân thành phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ sử dụng. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>   | <b>Nhân lực thực hiện</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--|---------------------------|-------------------------------|----------------------------|-------------------------|
| Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.   | Cán bộ quản lý, giáo viên | Tờ trình                      | Trong năm học 2023-2024    | 5.600.000 đồng.         |
| Nhà trường có kế hoạch thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Sử dụng nguồn nước đảm bảo theo quy định, thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước đảm bảo vệ | Cán bộ quản lý, giáo viên | Tờ trình                      | Trong năm học 2023-2024    | 2.500.000 đồng.         |

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
| sinh không gây ô nhiễm môi trường theo quy định chung. |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

#### Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường được xây dựng kiên cố, bán kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Khu vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng khép kín đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hàng năm, Nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ sung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

Tuy nhiên tại thời điểm đánh giá, nhà trường chưa có phòng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học. Điểm trường Nậm Ty 1, điểm trường Nậm Ty 2 không có tủ để lưu mẫu thực phẩm do không có nguồn điện lưới Quốc gia.

#### \* Kết quả tự đánh giá

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 6/6
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 6/6
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 4/5
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 1/5

#### Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

##### Mở đầu

Thực hiện chủ trương: “Sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội”, nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các lớp có Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ khi ở

nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh về tình hình ăn, ngủ, vui chơi, học tập cũng như các hoạt động khác của trẻ ở lớp.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

*Mức 1:*

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

*Mức 2:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

*Mức 3:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

Hàng năm nhà trường đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011, gồm: trưởng ban, phó ban và các ủy viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo quy chế, 14/14 nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm, lớp [1.6-04]; [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo năm học [H4-4.1-02].

Hàng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động theo kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có hiệu quả cao [H4-4.1-02]; [1.6-04].

## Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp tích cực, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục học sinh như: Tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ; hoạt động tham quan; trải nghiệm; tổ chức các ngày lễ trong năm như: tổ chức tết trung thu; giao lưu "Tôi yêu Việt Nam" cấp trường, cấp cụm, cấp huyện; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm... Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ hộ nghèo [H1-1.2-05]; [3.1-02]; [H4-4.1-03].

## Mức 3

Hằng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, trong năm năm huy động 800 ngày công lao động tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường tại trung tâm và 5 điểm trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. [H1-1.2-05]; [H4-4.1-03].

## Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định, có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra. Ban đại diện cha mẹ học sinh phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Tích cực hỗ trợ nhà trường tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu:** Không

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện | Nhân lực thực hiện | Điều kiện để thực hiện | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí |
|-----------------------------------|--------------------|------------------------|---------------------|------------------|
|-----------------------------------|--------------------|------------------------|---------------------|------------------|



|   |   |   |  |       |
|---|---|---|--|-------|
| Tổ chức họp phụ huynh học sinh của các lớp/trường để kiện toàn Ban đại diện cha mẹ học sinh | Cán bộ quản lý, giáo viên, Cha mẹ trẻ các lớp | Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh  | Trong các năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không |
| Thảo luận và xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh          | Ban đại diện cha mẹ học sinh                  | Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh | Trong các năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không |
| Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ trong chăm sóc, GD trẻ ở nhà                    | Ban đại diện cha mẹ học sinh                  | Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh | Trong các năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không |

### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;***

#### ***Mức 1:***

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

#### ***Mức 2:***

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

#### ***Mức 3:***

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Nhà trường chủ động, làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như: xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, duy trì phổ cập giáo dục xóa mù chữ, các khoản thu chi năm học, kế hoạch thực hiện chuyên đề "Tôi yêu Việt Nam", " Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" [H4-4.2-01].

Hàng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, qua bảng tin nhà trường, tuyên truyền qua loa phóng thanh của Bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón, trả trẻ hàng ngày [H1-1.2-05].

Nhà trường tích cực huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường: Năm 2019-2020 huy động được 59.740.000đ, hội phụ huynh lớp mẫu giáo 5-6 tuổi tặng 2 cây ban; Năm học 2020-2021 huy động được 77.623.000đ, tặng 2 chiếc ghế đá; Năm học 2021-2022 huy động được 49.909.000đ, 3 chiếc quạt cây; Năm học 2022-2023 huy động được 49.800.000đ, hệ thống khăn trải bàn văn phòng trường. Trong năm năm huy động 800 ngày công lao động tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường tại trung tâm và 5 điểm trường [H1-1.2-05].

### **Mức 2**

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp, xây dựng cảnh quan môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; hoạt động trải nghiệm; tu sửa cơ sở vật chất nhà trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương

chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ như: chế độ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, trẻ dân tộc [H1-1.2-05]; [H4-4.2-01].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ do ngành và địa phương tổ chức. Phối kết hợp tốt với các tổ chức trong nhà trường như: Đoàn thanh niên, Công đoàn để tổ chức các đợt giao lưu văn nghệ như: ngày 20/10, 20/11, 8/3, Ngày hội đến trường của bé, tổ chức trung thu cho trẻ, giao lưu "Tôi yêu Việt Nam" các hoạt động lễ hội, phù hợp với truyền thống địa phương [H1-1.2-05]; [3.1-02].

### Mức 3

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường được công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa [H4-4.2-02].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương, nhà trường đạt danh hiệu đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

## 3. Điểm yếu: Không

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp/Công việc cần thực hiện</b>   | <b>Nhân lực thực hiện</b> | <b>Điều kiện để thực hiện</b>                                | <b>Thời gian thực hiện</b>                           | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--|---------------------------|--|--|-------------------------|
| Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục | Cán bộ quản lý            | Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể | Trong các năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không                   |

|  |                |  |  |       |
|--|----------------|--|--|-------|
| hàng năm của nhà trường.   |                |  |  |       |
| Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục. | Cán bộ quản lý | Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền | Trong các năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo | Không |

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 4**

Hàng năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Chủ động phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục thông qua các cuộc họp với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp ủy đảng chính quyền địa phương và huy động ngày công lao động của hội phụ huynh học sinh, tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn của trường kiểm định chất lượng, đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

#### **\* Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 2/2
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 2/2
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 2/2
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 0

#### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

##### **Mở đầu**

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên

thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời thực hiện phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với quy định chuyên môn và văn hóa địa phương, phù hợp với khả năng của trẻ, với thực tế của trường; định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ.

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp với Trạm Y tế xã Hua Thanh thực hiện nghiêm túc việc cân đo khám sức khoẻ định kỳ theo đúng quy định, phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có hướng phục hồi phòng chống kịp thời suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Hằng năm, Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Hằng năm 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

*Mức 1:*

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) *Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.*

*Mức 2:*

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

*Mức 3:*

- a) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các*

*nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;*

*b) Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Chương trình giáo dục mầm non, cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với bối cảnh của địa phương. Sau khi hội đồng thẩm định nhất trí chương trình giáo dục được nhà trường công khai trên gmail của trường. Trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng kế hoạch Chương trình giáo dục của các lớp theo năm học, tháng/chủ đề/ tuần/ ngày và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch [H1-1.2-04]; [H1-1.6-02].

Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành được nhà trường phát triển thực hiện phù hợp với quy định chuyên môn, lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho năm học, từng chủ đề phù hợp với thực tế nhóm, lớp, của nhà trường, khả năng nhận thức của học sinh và triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.2-04]; [H1-1.6-02].

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non thông qua hội đồng thẩm định chương trình vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm, đánh giá trẻ hàng ngày, chủ đề, tròn tháng, cuối mỗi độ tuổi. Từ đó có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với trẻ [H1-1.2-04]; [H5-5.1-01].

### **Mức 2**

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình địa phương và khả năng nhận thức của trẻ. Triển khai kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề và kế hoạch tuần, ngày hiệu quả [H1-1.2-04]; [H1-1.6-02]; [H5-5.1-01].

Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, lựa chọn các mục tiêu, nội dung, xây dựng kế hoạch năm

học, kế hoạch chủ đề phù hợp với bối cảnh văn hóa của địa phương, điều kiện của nhóm lớp, điều kiện của nhà trường đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ của trẻ [H1-1.2-04]; [H1-1.6-02].

### Mức 3

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình Giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định [H1-1.2-04]; [H1-1.6-02].

Hằng năm có tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-04]; [H5-5.1-01].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non theo kế hoạch do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với thực tế của nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với bối cảnh văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ. Hằng năm, nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ từ đó kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

### 3. Điểm yếu: Không

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp/ công việc cần thực hiện</b>  | <b>Nhận thức lực hiện</b>                       | <b>Điều kiện để thực hiện</b>  | <b>Thời gian thực hiện</b>              | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|--|---|--|---|-------------------------|
| Tham mưu làm tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Chỉ đạo, tư vấn, kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch lựa chọn các nội | Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên | Chương trình giáo dục mầm non; Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp | Không                   |

|   |   |   |   |       |
|---|---|---|---|-------|
| dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.    | cốt cán.  | viên.   | theo.   |       |
| Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. | Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn giáo viên cốt cán. | Bồi dưỡng chuyên môn Cán bộ quản lý, giáo viên theo Chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của nhà trường. | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo. | Không |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

#### *Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

##### Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

##### Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

##### Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

### 1. Mô tả hiện trạng

#### Mức 1

Nhà trường chỉ đạo giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức giáo dục trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung



giáo dục, phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện nhà trường [H1-1.6-02].

Nhà trường xây dựng trường mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường tạo sự đa dạng các khu vực cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Thư viện thân thiện, Khu trải nghiệm với các vật liệu thiên nhiên; khu phát triển vận động; khu vui chơi, tạo điều kiện tốt nhất để mọi trẻ đều có cơ hội vui chơi, khám phá, trải nghiệm, sáng tạo [3.1-02]; [H5-5.2-01].

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp như: hoạt động cá nhân, nhóm, hoạt động học, hoạt động chơi, lao động tự phục vụ, tham quan di tích lịch sử [H1-1.6-02]; [3.1-02].

### **Mức 2**

Nhà trường có kế hoạch tổ chức cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, mang tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường như: Thư viện thân thiện, Khu trải nghiệm với các vật liệu thiên nhiên; khu phát triển vận động; khu vui chơi; chăm sóc vườn rau, vườn hoa, quan sát sự nảy mầm của cây từ hạt, chơi trò chơi. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử, các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống cho trẻ [3.1-02]; [H1-1.6-02].

### **Mức 3**

Hằng năm nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích sự hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” như: Thư viện thân thiện; khu trải nghiệm với các vật liệu thiên nhiên; khu phát triển vận động; chăm sóc vườn rau, vườn hoa, quan sát sự nảy mầm của cây từ hạt, chơi trò chơi. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo đi tham quan các di tích lịch sử, các hoạt động trải nghiệm rèn kỹ năng sống [3.1-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung giáo dục nhà trường. Tích cực tôn tạo cảnh quang môi trường, xây dựng đa dạng các khu vực cho trẻ trải nghiệm, vui chơi học tập phù hợp với

điều kiện thực tế. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

### 3. Điểm yếu : Không

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| <b>Giải pháp/ công việc cần thực hiện</b>   | <b>Nhận thức lực hiện</b>                               | <b>Điều kiện để thực hiện</b>   | <b>Thời gian thực hiện</b>                   | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|---|---|---|--|-------------------------|
| Tiếp tục xây dựng và triển khai áp dụng có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương  | Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán | Điều kiện thực tế của nhà trường, kế hoạch giáo dục của nhà trường, của trẻ | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không                   |
| Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường, giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm. | Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán | Kế hoạch giáo dục nhà trường, nhóm, lớp                                     | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không                   |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

#### *Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ*

##### *Mức 1:*

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Hàng năm, nhà trường làm tốt công tác phối hợp với trạm y tế xã Hua Thanh tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: Khám chuyên khoa 1-2 lần/năm, cho trẻ uống vitamin A, thuốc tẩy giun, tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa trên loa phóng thanh, đo thân nhiệt, tuyên truyền phụ huynh cho trẻ tiêm phòng dịch bệnh [H5-5.3-01].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ hàng năm; Cân nặng: kình bình thường đạt 97,5%, suy dinh dưỡng thể gầy còm nhẹ cân chiếm 2,5%; Chiều cao: Kình bình thường chiếm 97,2%, suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 2,8%; Cân nặng chiều dài/chiều cao [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Ngay từ đầu các năm học, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch y tế học đường, trong đó chú trọng đến kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, béo phì và có biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, béo phì ở các lớp. 100% trẻ suy dinh dưỡng, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và được cải thiện. Chế độ ăn hàng ngày của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 4 nhóm thực phẩm, tỷ lệ calo đạt từ 615- 726 Kcal, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. Giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

### **Mức 2**

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, phát triển thể chất và tinh thần trẻ em thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường, các lớp, trao đổi trực tiếp vào giờ đón và trả trẻ [H1-1.2-05].

Nhà trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo ăn bán trú tại trường gồm: trẻ nhà trẻ hai bữa chính và một bữa phụ, mẫu giáo một bữa ăn chính và một bữa phụ, đảm bảo năng lượng phân phối cho các bữa và tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu. Thực đơn của trẻ được nhà trường xây dựng theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm, đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 [H5-5.3-06]; [H1-1.2-05].

Nhà trường đảm bảo 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, các lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, béo phì, tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện đến tháng 10 năm học 2023 - 2024: Cân nặng: kênh bình thường đạt 95%, suy dinh dưỡng thể gầy còm nhẹ cân và nhẹ cân mức độ nặng chiếm 5%; Chiều cao: kênh bình thường đạt 95%, suy dinh dưỡng thể thấp còi và thấp còi mức độ nặng chiếm 5%; Cân nặng chiều dài/chiều cao; Cân bình thường đạt 99,7%, suy dinh dưỡng thể gầy còm 0,3% [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

### **Mức 3**

Hằng năm, Nhà trường đều có 97% trở lên trẻ khỏe mạnh về chiều cao, cân nặng phát triển bình thường. Tính đến thời điểm đánh giá Cân nặng: kênh bình thường đạt 95%, suy dinh dưỡng thể gầy còm nhẹ cân và nhẹ cân mức độ nặng chiếm 5%; Chiều cao: kênh bình thường đạt 95%, suy dinh dưỡng thể thấp còi và thấp còi mức độ nặng chiếm 5,0%; Cân nặng chiều dài/chiều cao: Cân bình thường đạt 99,7%, suy dinh dưỡng thể gầy còm 0,3% [H5-5.3-03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với trạm y tế xã Hua Thanh tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám chuyên khoa từ 1-2 lần/năm. Nhà trường đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, thực hiện nghiêm túc thông điệp 2K của Bộ Y tế về phòng chống dịch bệnh Covid-19, tiêm phòng dịch bệnh Covid-19. Xây dựng chế độ dinh dưỡng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân,

béo phì được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Tình trạng suy dinh dưỡng, thấp còi, thừa cân, béo phì của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

### 3. Điểm yếu: Không

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

| Giải pháp/Công việc cần thực hiện   | Nhân lực thực hiện                                   | Điều kiện để thực hiện                                       | Thời gian thực hiện                          | Dự kiến kinh phí |
|---|--|--|--|------------------|
| Nhà trường tiếp tục phối hợp với trạm y tế xã Hua Thanh khám chuyên khoa, tổ chức tiêm phòng dịch bệnh, uống vitamin A, tẩy giun.                                       | Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên y tế             | Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Hua Thanh   | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không            |
| Nhà trường chỉ đạo giáo viên các lớp, nhân viên y tế trong việc chăm sóc cho trẻ và tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về chế độ ăn và chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại gia đình. | Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên y tế, cha mẹ trẻ | Các văn bản tuyên truyền về chế độ ăn, chăm sóc sức khỏe trẻ | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không            |
| Tuyên truyền phối kết hợp với cha mẹ trẻ để có biện pháp phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, béo phì.  | Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên y tế, cha mẹ trẻ | Kế hoạch y tế  | Trong năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo | Không            |

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

#### *Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục*

*Mức 1:*

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

*Mức 2:*

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

*Mức 3:*

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ. Đặc biệt chú ý đến thời điểm nhiệt độ xuống thấp, trước và sau tết Nguyên đán, thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid19. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 98%, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100% [H5-5.3-05].

100% trẻ 5 tuổi hằng năm đều hoàn thành chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Năm học 2018-2019 tổng số 77 trẻ, năm học 2019-2020 tổng số 70 trẻ, năm học 2020-2021 tổng số 95 trẻ, năm học 2021-2022 tổng số 89 trẻ, năm học 2022-2023 tổng số 92 trẻ [H5-5.4-01].

Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 2 học sinh khuyết tật (Năm học 2021 - 2022 có 1 cháu, năm học 2022-2023 có 1 cháu) được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân và đánh

giá sự tiến bộ của trẻ khuyết tật. Năm học 2023-2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập [H1-1.5-02].

### **Mức 2**

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ chuyên cần trẻ toàn trường đạt 98%, trẻ 5 tuổi đạt 100% [H5-5.3-05].

Hàng năm, 100% học sinh 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 76 trẻ 5 tuổi đang học chương trình giáo dục mầm non tại trường [H5-5.4-01].

Năm học 2021 – 2022 toàn trường 01 trẻ khuyết tật, năm học 2022-2023 toàn trường có 01 trẻ khuyết tật. Hàng năm 100% trẻ khuyết tật học hoà nhập đều có hồ sơ theo dõi và được đánh giá có sự tiến bộ [H1-1.5-02].

### **Mức 3**

Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá, số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non là 100% [H5-5.4-01];

2/2 trẻ khuyết tật được học hoà nhập và đánh giá sự tiến bộ [H1-1.5-02].

## **2. Điểm mạnh**

Hàng năm, Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp, duy trì trẻ chuyên cần đạt tỷ lệ cao. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 98%, trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập.

### **3. Điểm yếu: Không**

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

| <b>Giải pháp/ công việc cần thực hiện</b>   | <b>Nhận thức lực hiện</b>                 | <b>Điều kiện để thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b>                   | <b>Dự kiến kinh phí</b> |
|---|---|-------------------------------|--|-------------------------|
| Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ hạ xuống thấp, thời điểm xảy ra dịch bệnh. | Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế | Số theo dõi trẻ               | Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo | Không                   |

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non phát triển phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Hằng năm tổng kết đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, kịp thời điều chỉnh, cải tiến các nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp xây dựng tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, đối tượng trẻ, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Làm tốt công tác phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, 100% trẻ được khám chuyên khoa, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường đạt 95%, cân nặng phát triển bình thường đạt 95%. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện. Trong các năm học nhà trường thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt 98%, trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%.

Việc xây dựng tổ chức môi trường giáo dục, hình thức giáo dục cho trẻ hoạt động của giáo viên linh hoạt, sáng tạo. Nội dung tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ đa dạng, phong phú.

#### **\* Kết quả tự đánh giá**

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 4/4
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 4/4
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 4/4
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 0

### **Phần III**

## **KẾT LUẬN CHUNG**

Trong 5 năm từ năm học 2019 - 2020 đến nay Trường mầm non xã Hua Thanh đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liền tập thể nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc và được Ủy ban nhân huyện tặng giấy khen, Năm học 2020 – 2021; 2022 – 2023 được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện



Biên tặng bằng khen. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên khang trang rộng rãi môi trường xanh – sạch - đẹp – an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt, 100% cán bộ, giáo viên nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các cá nhân, các nhà hảo tâm đầu tư hỗ trợ kinh phí xây mới các khu vui chơi, trải nghiệm sáng tạo, tu sửa cơ sở vật chất ngày một khang trang đáp ứng nhu cầu dạy và học, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên, của Đảng uỷ chính quyền xã Hua Thanh cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, phụ huynh của nhà trường. Trong quá trình tự đánh giá trường mầm non xã Hua Thanh đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình. Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 1: 25/25
- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 2: 25/25

- Số tiêu chí đạt yêu cầu mức 3: 18/19
- Số tiêu chí chưa đạt yêu cầu mức 3: 1

**\* Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường mầm non xã Hua Thanh – huyện Điện Biên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1;

Trường mầm non xã Hua Thanh đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

*Hua Thanh, ngày 30 tháng 10 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Thanh Huệ**